

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 16/01/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Minh T, sinh năm 1992.

HKTT: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, hiện trú tại: Thôn Tùng Sơn, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Việt Đ, sinh năm 1989.

Trú tại: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: Chị Trần Minh T, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Sau thời gian tìm hiểu, tháng 9/2014 chị Trần Minh T và anh Nguyễn Việt Đ đi đến quan hệ hôn nhân, việc kết hôn là tự nguyện được UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh L làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng tại thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Cuối năm 2018 vợ chồng cùng gia đình nhà chồng chuyển về sống tại: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Về tình cảm, theo chị T trình bày: Những năm đầu chung sống, đời sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh khoảng 1 năm trở lại đây. Nguyên nhân do anh Đ chơi bời, thiếu trách nhiệm với vợ con, bản thân anh Đ lại ghen tuông nghi ngờ chị không chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 5/2019 thấy cuộc sống gia đình nặng nề chị T cùng con ra ngoài thuê nhà ở, chị và anh Đ ly thân từ đó. Nay thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, chị T đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 16/8/2015, hiện nay cháu T đang sống cùng chị tại xã S, huyện H, tỉnh L. Nếu vợ chồng ly hôn, nguyện vọng của chị T muốn nuôi cháu T; Về đóng góp nuôi con chị không yêu cầu anh Đ đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết.

Anh Đ thừa nhận quan hệ vợ chồng, con chung như chị T trình bày là đúng, song anh theo anh Đ nguyên nhân chị T và con ra ngoài thuê nhà ở và hiện nay chuyển về H, L như chị T trình bày là do lỗi của anh là không đúng. Bản thân anh là người cán bộ, chiến sĩ công an đang được đơn vị cử đi học tại Học viện cảnh sát nhân dân, anh luôn chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật, chuẩn mực, đạo đức, tác phong của người cán bộ, chiến sĩ công an, trong cuộc sống gia đình anh luôn quan tâm và có trách nhiệm với vợ con, lý do vợ chồng ly thân là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng con dâu, còn anh và chị T không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian chị T và con chuyển ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng luôn có sự quan tâm chia sẻ, thường xuyên liên lạc nói chuyện qua điện thoại và mạng xã hội, hàng tháng anh vẫn chu cấp tiền cho chị T khi chị yêu cầu, chị T trình bày tình cảm vợ chồng không còn, anh hay ghen tuông vô cớ là không đúng, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị T và sẵn sàng bỏ qua những lỗi lầm của chị T để vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình, anh Đ không đồng ý ly hôn. Để chứng minh cho ý kiến của mình anh Đ có sao gửi cho Tòa án nội dung các cuộc hội thoại giữa anh và chị trên mạng xã hội trong thời gian trước và sau khi vợ chồng ly thân.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã xử:

Bác yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Minh T đối với anh Nguyễn Việt Đ để vợ chồng về đoàn tụ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/9/2019, chị Trần Minh T kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho chị được ly hôn với anh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị Trà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ đồng ý ly hôn và con chung để anh chăm sóc mà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị T cũng đồng ý để anh Đ nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và anh Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên cần tôn trọng quyết định của chị T và anh Đ, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này và sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Minh T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, do vậy kháng cáo của chị Trà là hợp lệ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị T và anh Đ đã thỏa thuận với nhau về việc thuận tình ly hôn và giao con chung là cháu Nguyễn Bảo T cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận này và sửa án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Chị Trà tự nguyện chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm, xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trần Minh T và anh Nguyễn Việt Đ. Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo T sinh ngày 16.8.2018 cho anh Nguyễn Việt Đ chăm sóc, nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Minh T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm. Xác nhận chị Trần Minh T đã nộp đủ 600.000đ án phí theo biên lai thu số AA/2018/0001859 ngày 04/6/2019 và biên lai thu số AA/2018/0002100 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Minh